

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung và cấp dưỡng nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Hải Ân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4
- Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

(Địa chỉ cũ: ấp R, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp E, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Địa chỉ cũ: ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn C tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng, được gia đình hai bên đồng ý nên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 13/10/2022. Sau khi kết hôn hai vợ chồng làm nhà ở riêng. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn

định, hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, anh C thường xuyên uống rượu, bia về chửi bới tôi, đập phá đồ đạc và nhiều lần đánh tôi. Tôi nhiều lần khuyên anh C thay đổi nhưng anh C không thay đổi. Từ đầu năm 2024 đến nay chúng tôi ly thân nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/12/2021. Ly hôn tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung do từ lúc ly thân đến nay con chung do tôi trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ lúc bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, chị N yêu cầu được ly hôn với anh C, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh C có nơi cư trú tại ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị N và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 13/10/2022 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị N bày mâu thuẫn vợ chồng chị bắt đầu xảy ra từ năm 2024. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh C thường xuyên uống rượu, bia về chửi bới chị, đập phá đồ đạc và nhiều lần đánh chị. Từ đầu năm 2024 đến nay chị và anh C ly thân nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã phát sinh trong thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố

tụng. Điều đó chứng tỏ anh C đã không còn thiết tha với cuộc sống vợ chồng cùng với chị N.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng anh C và chị N không còn quan tâm, tin tưởng nhau, không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình giữa chị N và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/12/2021. Xét thấy từ lúc chị N và anh C ly thân đến nay cháu Đ do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu Đ, cần tiếp tục giao cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Theo đơn khởi kiện chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Đ với số tiền 2.000.000 đồng. Xét thấy, chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp tình hình thực tế chi phí sinh hoạt nuôi con chung tại địa phương nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của chị N.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều N.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/12/2021 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh Đ với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Minh Đ đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003053 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị N đã thi hành xong án phí.

- Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo và nội dung khác: chị N, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 4 - Đồng Tháp;
- UBND xã Thạnh Phú, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang

